

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA BÌNH
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2017/ST-DS

Ngày 13/9/2017

V/v “tranh chấp vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA BÌNH – TỈNH BẠC LIÊU**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lữ Văn Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Minh Tân

2. Ông Tô Hùng Dũng

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Dư - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Văn Hữu Tuấn.

Ngày 13 tháng 9 năm 2017, tại Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 64/2017/TLST-DS ngày 06 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2017/QĐST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Anh Nguyễn Hữu N, sinh năm 1985 (có mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã V, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu

2/ Đồng bị đơn: - Anh Lý Văn L, sinh năm 1978 (có mặt)

- Chị Lê Kim Đ, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp M, xã V, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu

3/ Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Chị Trương Thị K, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã V, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/5/2017, các lời khai tiếp theo tại Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn – anh Nguyễn Hữu N trình bày: Khoảng tháng 7/2014 âm lịch, tại nhà anh N thì anh L vay 164.000.000 đồng. Khi đó, anh N cho anh L vay và anh N kêu vợ là Trương Thị K lấy tiền đưa cho anh L 164.000.000 đồng (có mặt anh N tại đó). Vay xong thì khoảng 02 tháng anh L đến nhà anh N đóng lãi khoảng 10.000.000 đồng (không nhớ cụ thể). Lúc đó, anh L còn nợ tiền lãi là 650.000 đồng nên anh N yêu cầu anh L ghi biên nhận và

chính tay anh L ghi biên nhận có hỏi (vay) của anh L là 164.650.000 đồng. Lúc đó có mặt 02 vợ chồng anh N và anh L. Từ đó đến nay thì anh L không đóng lãi và trả nợ gốc cho anh N khoản nào nữa. Nay anh N yêu cầu anh L và vợ là Lê Kim Đ cùng có nghĩa vụ thanh toán số tiền vay là 164.650.000 đồng và lãi trả chậm trong giai đoạn thi hành án.

Theo bị đơn- Anh Lý Văn L trình bày: Vào ngày 02 tháng 9 năm 2014 (âm lịch) thì anh hỏi vay của anh N và vợ anh N (có mặt cả 02 vợ chồng) là 165.000.000 đồng, anh N và vợ đồng ý cho vay. Nhưng vợ chồng anh N nói bây giờ thì không có, tối hoặc mai mới có tiền vì còn phải đi lấy tiền của người khác. Lúc đó, thì vợ anh N vô trong nhà định lấy 15.000.000 đồng đưa trước nhưng chỉ có 14.650.000 đồng và đưa anh số tiền trên. Còn 150.000.000 đồng thì chưa đưa nhưng yêu cầu anh ghi biên nhận luôn là 164.650.000 đồng. Vì giờ vợ chồng anh N đi lấy tiền của người khác về nếu anh L không lấy thì cũng phải chịu tiền lãi.

Hôm sau thì vợ chồng anh N nói là không có tiền nên anh tưởng là số tiền 14.650.000 đồng là cho anh mượn luôn. Kể từ đó thì anh không có ý kiến gì về việc đã ghi biên nhận nợ anh N 164.650.000 đồng.

Theo anh N nói anh L vay từ tháng 7/2014 là không có, vì lúc đó anh L chỉ vay dùm cho mấy đứa em chừng 30 – 40 triệu đến khoảng tháng 7-8/2014 thì đã trả hết nhưng cũng không nhớ là trả lãi bao nhiêu.

Nay anh L thống nhất trả 14.650.000 đồng và lãi trả chậm trong giai đoạn thi hành án. Số tiền còn lại là anh không đồng ý trả.

Theo đồng bị đơn- chị Lê Kim Đ trình bày: Do điều kiện kinh tế gia đình khó khăn nên vợ chồng chị (chị và anh L) có bàn bạc vay của anh Nguyễn Hữu N số tiền 165.000.000 đồng. Khi đi vay thì chỉ có chồng chị là anh L đến nhà anh N để hỏi vay và nhận tiền. Lúc đó, vào khoảng tháng 7-8 năm 2014 âm lịch, chị không nhớ cụ thể, anh L có đến nhà anh N để hỏi vay số tiền trên thì anh N mới giao trước 14.500.000 đồng. Anh N có kêu chồng chị là anh L ký trước vào biên nhận với số tiền 164.650.000 đồng vì sợ đi lấy tiền về mà vợ chồng chị không nhận tiền nữa thì anh N tổn tiền lãi, nói sau khi giao đủ tiền thì kêu chị ký biên nhận luôn. Tuy nhiên, anh N không giao số tiền còn lại cho vợ chồng chị. Nay chị xác định chỉ vay của anh N 14.500.000 đồng và đồng ý cùng anh L trả cho anh N 14.500.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật. Anh N yêu cầu chị và anh L trả số tiền 164.000.000 đồng và lãi suất thì chị không đồng ý.

Theo Người có quyền và nghĩa vụ liên quan- chị Trương Thị K trình bày: Khoảng tháng 7 năm 2014 âm lịch, anh L có đến nhà chị hỏi vay 164.000.000 đồng. Lúc đó có mặt chị và chồng là anh N, chính chị đi lấy tiền ra giao cho anh L tại nhà chị. Việc cho vay chưa làm biên nhận. Khoảng hai tháng sau khi anh L vay tiền thì anh L có đóng lãi khoảng 10.000.000 đồng, còn thiếu tiền lãi 650.000 đồng nên vợ chồng chị kêu anh L làm biên nhận số nợ là 164.650.000 đồng. Từ đó đến nay anh L không trả gốc và lãi cho vợ chồng chị. Chị thống nhất theo anh N, yêu cầu anh L và chị Đ cùng có nghĩa vụ trả cho anh N số tiền 164.650.000 đồng, tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày 02/9/2014 âm lịch cho đến nay và lãi trả chậm trong giai đoạn thi hành án.

Ý kiến của kiểm sát viên: Quá trình từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời đề N căn cứ các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 466 và 468 Bộ luật dân sự; N quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hữu N đối với anh Lý Văn L và chị Lê Kim Đ. Anh L và chị Đ phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

1/ Về tố tụng: chị Trương Thị K và chị Lê Kim Đ vắng mặt tại phiên tòa và có yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

2/ Xét yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hữu N: anh N yêu cầu anh L và chị Đ trả số tiền vay 164.650.000 đồng. Xét về hình thức hợp đồng: giữa anh N và anh L xác lập giao dịch vay tài sản (tiền). Hai bên có làm biên nhận (giấy tay). Căn cứ Điều 119, Điều 463 Bộ luật dân sự, giao dịch vay giữa anh N và anh L không bắt buộc hình thức hợp đồng bằng văn bản, có công chứng, chứng thực. Do đó, về hình thức, giao dịch vay giữa anh N và anh L xác lập bằng sự thỏa thuận và có làm giấy tay (Biên nhận) là phù hợp với quy định pháp luật. Về nội dung: anh N trình bày có cho anh L vay số tiền 164.000.000 đồng vào tháng 7 năm 2014 âm lịch, khi cho vay có mặt cả hai vợ chồng (anh N và chị K). Sau khi vay tiền, anh L có đóng lãi được khoảng 10.000.000 đồng. Đến ngày 02/9/2014 âm lịch anh L mới làm biên nhận và ghi ngày vay là 02/9/2014 âm lịch. Anh N có giao nộp chứng cứ cho tòa án là biên nhận với nội dung: “Hia L có hỏi của N 164.650.000 đồng. Lãi 5 lai/tháng, 4 tháng đóng lãi 1 lần, đầu 02/9/2014”, theo vợ anh N thì năm 2014 nhuận hai tháng 9, lúc ghi là tháng 9 đầu. Anh L thừa nhận biên nhận với nội dung trên là có thật và do tự tay anh L ghi biên nhận trên. Do vậy, đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, theo anh L thì anh mới chỉ nhận 14.500.000 đồng, ngoài ra anh N, chị K không có đưa thêm số tiền nào khác thì anh L không có gì chứng minh. Hơn nữa, nếu như anh L không nhận đủ tiền theo biên nhận nợ thì tại sao sau đó anh L không có ý kiến gì về biên nhận nợ 164.650.000 đồng, trong khi từ 9/2014 đến nay là khoảng 03 năm và anh N đã rất nhiều lần đôn đốc, yêu cầu anh L thanh toán nợ. Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của anh N kiện đòi anh L và chị Đ số tiền 164.650.000 đồng.

3/ Đối với lãi suất: Tại phiên tòa anh N rút lại yêu cầu tính lãi suất là 3%/tháng từ 02/9/2014 đến khi giải quyết xong, việc rút lại yêu cầu trên là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ đối với việc tính lãi suất từ ngày 02/9/2016 âm lịch đến nay.

Việc yêu cầu tính lãi trả chậm trong giai đoạn thi hành án theo quy định là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự nên cần chấp nhận.

Đối với việc anh N và chị K cho rằng anh L đã đóng lãi với số tiền khoảng 10.000.000 đồng vào tháng 9/2014 âm lịch thì anh L cho rằng việc đóng lãi trên là đối với hợp đồng vay khác. Hơn nữa cũng không có yêu cầu điều chỉnh hay đối trừ nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4/ Đối với việc yêu cầu chị Lê Kim Đ cùng có nghĩa vụ thanh toán nợ: Chị Đ và anh L là vợ chồng, việc anh L hỏi vay tiền anh N có thông qua với chị Đ, điều đó được chính chị Đ thống nhất thừa nhận. Chị Đ cũng đồng ý cùng có nghĩa vụ với anh L trả nợ với số tiền là 14.500.000 đồng và lãi phát sinh. Tuy nhiên, như nhận định ở trên thì số tiền anh L còn nợ anh N là 164.650.000 đồng nên chị Đ cũng phải cùng có nghĩa vụ với anh L thanh toán toàn bộ số tiền trên cho anh N và tính lãi trả chậm là có căn cứ.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 3 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự; N quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hữu N đối với anh Lý Văn L và chị Lê Kim Đ.

2/ Buộc anh Lý Văn L và chị Lê Kim Đ phải có nghĩa vụ thanh toán cho anh Nguyễn Hữu N số tiền 164.650.000 đồng (một trăm sáu mươi bốn triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

3/ Kể từ có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4/ Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: anh Văn L và chị Lê Kim Đ phải nộp 8.232.500 đồng (tám triệu hai trăm ba mươi hai nghìn năm trăm đồng). Anh Nguyễn Hữu N đã dự nộp tạm ứng án phí 4.100.000 đồng (bốn triệu một trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003563 ngày 06 tháng 7 năm 2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Bình, được hoàn lại đủ số tiền trên.

An xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt, thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu
- VKSND huyện Hoà Bình
- Chi cục THADS huyện Hòa Bình
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ

đã ký

LỮ VĂN TUẤN